

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành bán lẻ và ngân hàng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

QNS, CTD

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải lệnh từng phần, gia tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ.

12/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,245.00	+0.77
VN30	1,242.23	+0.58
HĐTL VN30F1M	1,239.80	+0.71
HNXIndex	234.03	+0.08
HNX30	503.55	+0.23
UPCoM	90.77	+0.12
USD/VND	24,653	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.50	+3
Lãi suất qua đêm (%)	1.42	+68
Dầu (WTI, \$)	78.16	+0.30
Vàng (LME, \$)	2,177.84	-0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,245.00 (+0.77%)
KLGD (triệu CP) 792.2 (-6.5%)
GTGD (triệu US\$) 842.1 (-13.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành bán lẻ và ngân hàng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 173.54 tỷ đồng, tập trung tại MWG (+0.75%), VIX (-3.09%), MSN (+1.55%).

HNXIndex 234.03 (+0.08%)
KLGD (triệu CP) 76.5 (-17.1%)
GTGD (triệu US\$) 64.0 (-17.5%)

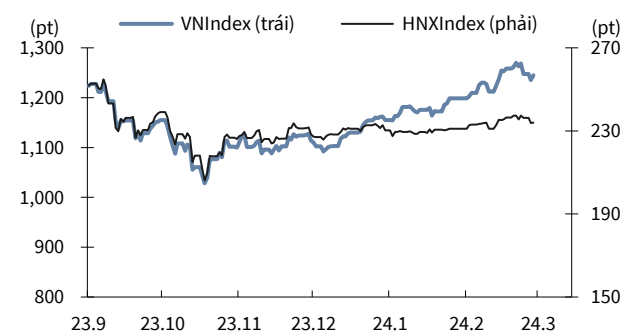
Giá lúa hôm nay (12/3) ghi nhận tăng 200 - 400 đồng/kg. Sau khi tăng nhẹ 200 đồng/kg, giá lúa Đài thơm 8, lúa OM 5451 và lúa Nàng Hoa 9 được thu mua trong khoảng 7,600 - 8,200 đồng/kg. Cổ phiếu ngành thực phẩm tăng giá ở PAN (+0.42%), LTG (+0.37%).

UPCoM 90.77 (+0.12%)
KLGD (triệu CP) 37.3 (-10.8%)
GTGD (triệu US\$) 18.9 (-4.2%)

Giá gas hôm nay (12/3) giảm 0.44%, xuống mức 1.74 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 4/2024 vào lúc 7h30 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở BSR (-1.56%), PSH (-1.3%).

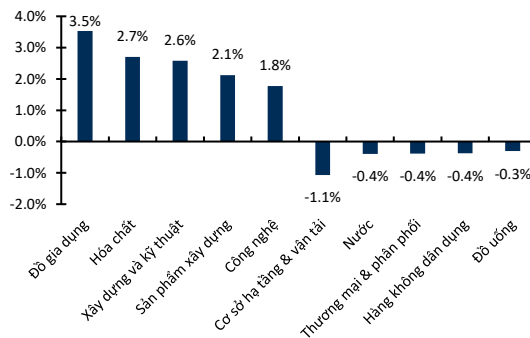
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -8.6

VNIndex & HNXIndex



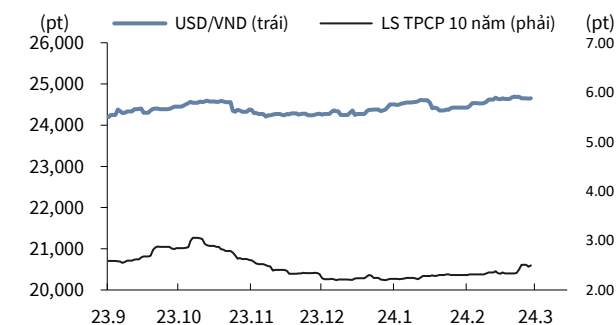
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



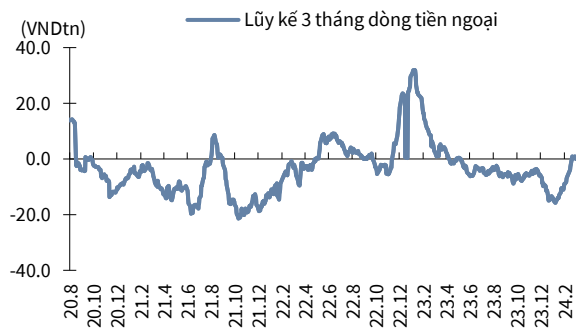
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

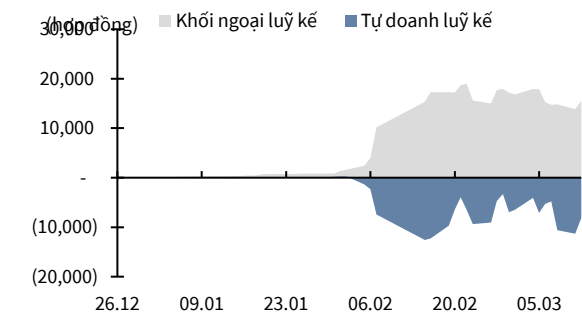
VN30	1,242.23 (+0.58%)
VN30F1M	1,239.8 (+0.71%)
Mở cửa	1,232.9
Cao nhất	1,243.0
Thấp nhất	1,232.0

KLGD (HĐ) **229,839 (+3.4%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất tại -1.92 điểm, sau đó biến động quanh mức -2.50 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -2.43 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

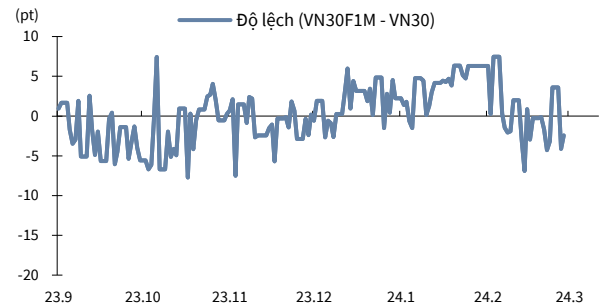
Khối ngoại mua ròng 1,681 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 15,499 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,170 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,157 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



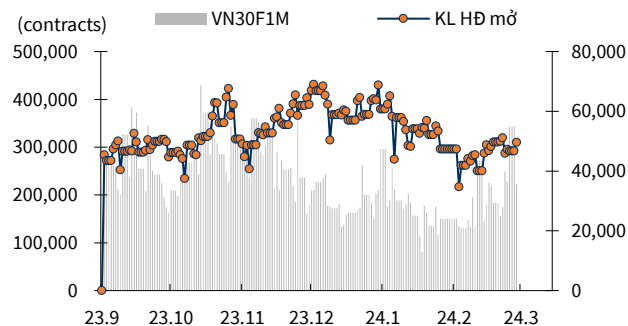
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



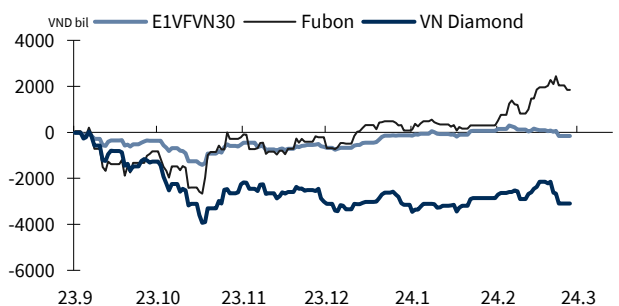
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

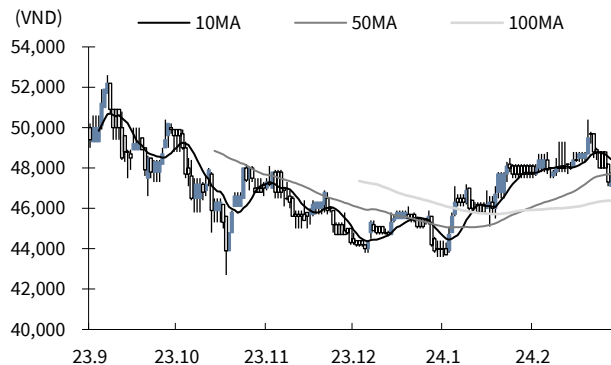
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

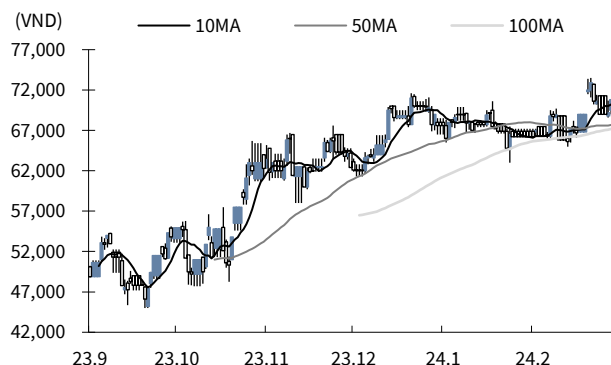
CTCP Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS đóng cửa ở mức tham chiếu 47,500 VND/cp
- CTCP Đường Quảng Ngãi dự kiến trả cổ tức 2023 với tỷ lệ 40% bằng tiền - mức chia cổ tức bằng tiền mặt cao nhất 10 năm qua. Trước đó, QNS đã 2 lần tạm ứng cổ tức 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10% mỗi đợt. Như vậy, QNS sẽ hoàn tất chi trả phần cổ tức còn lại với tỷ lệ 20% (2,000 VND/cp). Ngày giao dịch không hưởng quyền 15/04/2024, ngày thanh toán 26/04/2024.

CTCP Xây dựng COTECCONS (CTD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTD tăng 2.31% lên 70,800 VND/cp
- Công ty CP Xây dựng Coteccons, HĐQT đã thông qua nghị quyết miễn nhiệm chức Phó Tổng giám đốc của ông Nguyễn Ngọc Lâm theo "nguyện vọng cá nhân"; đồng thời, bổ sung vị trí của bà Đinh Thị Ngọc Bích, Tiến sĩ – Chuyên gia về phát triển bền vững. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các tổ chức quốc tế và tập đoàn lớn trong và ngoài nước về quản trị môi trường và xã hội, xây dựng chuỗi cung ứng xanh.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên hồi phục kỹ thuật với các nhịp rung lắc giằng co đan xen.
- Sau 2 phiên giảm mạnh, một số nhóm ngành dẫn dắt đã có trạng thái tăng điểm trở lại, tín hiệu kỹ thuật cũng cho thấy dấu hiệu đảo chiều như chỉ báo RSI tạo phân kỳ ẩn tăng giá. Mặc dù hiệu ứng tích cực chưa lan tỏa mạnh mẽ, chỉ số vẫn được kỳ vọng sẽ sớm lấy lại các nhịp hồi phục khi xu hướng tăng vẫn đang được giữ vững.
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh từng phần, gia tăng tỷ trọng trading gói đầu cho vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1255 – 1258

Kháng cự gần: 1243 – 1247

Hỗ trợ gần: 1227– 1232

Hỗ trợ xa: 1211 – 1215

- F1 trải qua một phiên hồi phục kỹ thuật với các nhịp rung lắc giằng co đan xen.
- Phe Long cho phản ứng tích cực với vị thế áp đảo trong hầu hết phiên giao dịch, giúp chỉ số hình thành mẫu nến “Piercing” tăng điểm và đưa trạng thái thị trường bớt tiêu cực hơn. Mặc dù biên độ tăng điểm chỉ bằng một nửa so với phiên giảm điểm hôm qua, F1 được kỳ vọng sẽ cho phản ứng hồi phục đáng kể tại vùng hỗ trợ kế tiếp quanh 1220 (+-10) khi xu hướng tăng vẫn đang được giữ vững.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại kháng cự, Short tại hỗ trợ,
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

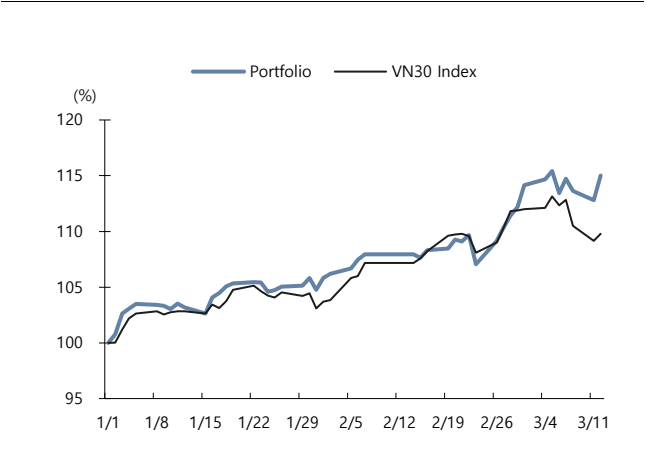
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.58%	1.95%
Tăng lũy kế (YTD)	9.79%	15.01%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

SSI (SSI)	01/11/2023	36,300	-0.1%	41.0%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,400	1.0%	2.6%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	94,400	0.3%	-3.9%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	63,400	6.9%	13.6%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	30,300	0.8%	9.6%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,500	3.2%	11.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	58,600	1.7%	6.7%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	43,650	3.3%	4.1%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	70,800	2.3%	2.9%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	01/03/2024	99,000	0.0%	9.5%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
EIB	1.1%	2.7%	70.7
HAH	3.3%	2.9%	64.3
VRE	2.9%	30.2%	57.7
STB	0.2%	24.1%	51.5
FRT	2.3%	35.6%	48.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	0.8%	44.9%	-262.7
VIX	-3.1%	10.2%	-145.0
MSN	1.6%	27.6%	-54.2
VNM	-0.4%	52.7%	-54.0
HSG	-0.5%	23.3%	-40.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.1%	2.0%	24.7
TNG	3.2%	22.2%	10.6
DTD	2.8%	3.3%	9.3
MBS	0.0%	0.5%	4.0
GKM	0.0%	0.2%	3.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.7%	10.4%	-49.2
PVS	0.0%	18.0%	-17.7
TIG	0.0%	11.0%	-2.9
DHT	0.4%	36.6%	-1.0
CEO	0.0%	5.4%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	4.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Đồ gia dụng	4.5%	TTF, GDT, EVE, SAV
Xây dựng và kỹ thuật	2.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	2.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	2.1%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-4.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thương mại & phân phối	-4.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Kim loại & khai thác	-3.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Ngân hàng	-2.7%	VCB, BID, VPB, TCB
Hàng hải	-2.4%	VSC, VOS, SKG, VTO

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	20.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	11.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ gia dụng	11.8%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	11.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	10.3%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-4.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Máy móc	-3.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	-2.2%	HT1, PTB, GAB, ACC
Hàng không dân dụng	-2.0%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-1.2%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	235,123 (9.6)	22.5	-	30.7	14.7	-1.9	3.7	1.5	1.4	-0.5	-2.5	4.1	-1.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	377,188 (15.3)	26.6	5.3	4.9	35.9	17.1	16.1	0.9	0.8	0.4	-2.2	2.2	-1.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	378,164 (15.4)	17.8	13.8	12.0	-7.6	11.2	11.2	1.4	1.3	2.9	-5.6	15.1	8.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	472,781 (19.2)	31.3	-	31.9	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	0.6	-6.1	-6.6	-5.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	150,813 (6.1)	11.6	32.5	29.3	13.7	7.0	7.5	2.1	2.1	0.4	1.7	17.3	16.6
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	197,835 (8.0)	13.9	41.9	24.1	-	2.7	4.4	1.2	1.1	-1.4	-5.7	-4.9	-9.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	158,569 (6.4)	6.3	15.0	13.6	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	0.3	-1.2	4.9	17.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	106,572 (4.3)	12.7	13.8	10.4	-5.3	19.2	19.2	2.1	1.8	3.0	-4.4	6.2	19.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	398,907 (16.2)	0.0	6.5	5.3	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	2.0	-2.4	10.5	29.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	382,838 (15.6)	1.4	8.6	6.8	50.3	17.2	20.0	-	-	1.0	-5.3	-2.8	27.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	309,283 (12.6)	0.0	10.5	7.3	18.8	10.5	13.2	1.0	0.9	0.0	-6.1	-5.4	-3.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	614,779 (25.0)	0.0	5.4	4.6	14.6	21.3	20.1	1.1	1.0	0.7	-6.1	-1.7	23.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	145,404 (5.9)	4.2	5.5	4.5	23.3	24.1	23.5	-	-	-0.6	-2.3	-2.5	13.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	683,373 (27.8)	14.0	7.1	4.1	26.5	19.5	25.1	1.0	0.8	0.2	-5.2	-2.7	8.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	335,640 (13.6)	0.0	6.6	5.2	37.4	17.3	19.0	1.1	0.9	0.0	-4.6	0.0	6.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	254,628 (10.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.1	-0.8	-2.9	-1.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	30,128 (1.2)	21.0	18.8	-	15.8	7.8	-	-	-	0.1	0.2	5.3	9.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,031 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	-1.3	4.3	8.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	965,315 (39.2)	55.4	24.2	-	-3.2	9.8	-	-	-	-0.1	-2.9	3.4	10.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	360,211 (14.6)	71.9	29.8	22.1	-4.0	13.4	14.2	3.2	3.1	1.4	1.0	7.1	13.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	290,609 (11.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.9	-3.3	2.7	18.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	747,022 (30.3)	27.2	19.4	14.6	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-1.3	-3.8	-1.7	1.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	370,798 (15.1)	42.1	16.9	14.9	4.0	29.2	30.2	4.7	4.8	-0.4	-4.1	3.6	3.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	93,053 (3.8)	36.9	17.9	16.9	7.3	17.2	16.7	2.9	2.7	-0.3	0.3	2.2	-6.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	397,948 (16.2)	16.5	50.0	24.0	-51.9	9.3	17.2	4.0	3.5	1.5	4.0	21.3	17.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,077 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	-0.7	4.0	-10.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,691 (2.7)	11.0	29.0	-	-88.5	11.5	-	-	-	-0.5	-1.8	-2.7	-5.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	137,478 (5.6)	10.8	20.2	16.9	-57.0	13.4	14.8	2.6	2.4	1.0	-2.0	12.8	11.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	238,756 (9.7)	38.4	23.4	-	65.7	3.8	-	-	-	0.8	-5.4	0.3	7.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	452,315 (18.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.5	-6.4	2.3	-6.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	157,847 (6.4)	3.6	24.0	20.8	-52.4	2.9	3.3	0.7	0.7	2.3	-2.9	6.9	2.9
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	63,730 (2.6)	0.0	10.1	8.8	-4.5	13.0	13.9	1.3	1.2	0.0	-2.1	9.7	9.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	109,793 (4.5)	46.1	15.8	13.5	-17.5	16.5	16.2	2.3	2.1	0.1	-1.4	2.9	3.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,125 (1.2)	31.4	-	15.5	-10.5	1.1	12.7	2.0	2.0	-0.6	-2.5	1.4	5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,076 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.4	-1.4	-0.4	-7.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	987,070 (40.1)	18.0	13.7	10.0	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	1.0	-3.0	7.3	8.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	109,985 (4.5)	36.5	15.1	18.3	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.2	-1.3	0.6	4.7	6.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	197,614 (8.0)	46.5	11.8	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	-1.0	1.7	2.9	8.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	267,399 (10.9)	38.9	13.2	8.4	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	-0.5	-7.0	-6.0	-4.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	50,970 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.9	-4.9	0.0	13.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	43,200 (1.8)	4.6	14.5	13.3	-51.0	11.8	11.7	1.7	-	1.1	1.1	4.6	5.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	216,644 (8.8)	39.9	18.8	14.1	-11.9	5.7	6.9	1.1	1.0	0.8	-4.6	5.4	7.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	102,136 (4.1)	35.9	7.6	6.2	2.2	16.2	16.5	1.1	1.0	0.0	-0.9	-0.7	0.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	603,970 (24.5)	0.0	23.7	12.5	14.4	8.0	12.4	2.7	2.4	0.8	-6.5	0.3	9.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	146,485 (5.9)	0.0	15.6	13.2	2.4	21.6	21.9	3.0	2.6	0.0	2.3	8.6	15.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	18,018 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	-0.5	1.0	-12.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	86,197 (3.5)	30.3	66.3	30.6	-75.2	31.8	31.2	11.1	-	2.3	9.0	26.4	47.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	38,911 (1.6)	34.6	20.4	-	41.2	11.7	-	-	-	2.6	7.7	12.5	21.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,997 (0.1)	45.4	14.7	-	10.7	19.9	-	-	-	1.1	2.1	3.6	6.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	332,139 (13.5)	0.0	19.0	15.6	15.5	28.8	28.4	5.0	4.2	1.7	1.1	6.7	16.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.